

HỘI NGHỊ KHOA KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
Lần VII – Năm 2019

Báo cáo Khoa học

**KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
TẮP ĐP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ
TẠI HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TIỀN GIANG NĂM 2018**

Tác giả: CN. Hồ Văn Sơn
Trung tâm Y tế huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang

Đồng Nai, ngày 25 tháng 05 năm 2019

TÓM TẮT NGHIÊN CỨU

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ học sinh (THCS) tại huyện Tân Phú Đông có kiến thức đúng, thực hành đúng về sử dụng TADP và các yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành của học sinh

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 580 học sinh các khối lớp 6, 7, 8, 9 trên địa bàn huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018,

Kết quả: Tỷ lệ học sinh đã từng tiếp cận các thông tin về ATTP là 79,4%. Kết quả có 20,86% các em có kiến thức đúng về TẮĐP, thực hành chung đúng về TẮĐP đạt 21,38%. Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, giới tính với kiến thức đúng và thực hành đúng về TẮĐP. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số tiền các em được cho hàng tuần, giữa việc tiếp cận thông tin ATTP, giữa tiếp cận qua kênh trực tiếp với kiến thức và thực hành về sử dụng TẮĐP. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức đúng và thực hành đúng về sử dụng TẮĐP ($P_{value} < 0,05$).

Kết luận: Tỷ lệ học sinh có kiến thức và thực hành đúng về sử dụng TẮĐP chưa cao. Cần tăng cường các hoạt động truyền thông về ATTP đặc biệt là các lợi ích và tác hại của TẮĐP nhằm nâng cao kiến thức, thực hành của học sinh.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: học sinh THCS năm học 2017 – 2018 tại các trường trên địa bàn huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2018.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 580 học sinh các khối lớp 6, 7, 8, 9 trên địa bàn huyện.

$$n = \frac{Z^2_{(1-\alpha/2)} \times p \times (1-p)}{e^2} \times \text{HSTK}$$

Tỉ lệ học sinh có thực hành đúng về sử dụng TẮĐP 51% (6), chọn $e=5\%$ là sai số mong muốn, Z là giá trị mong muốn với độ tin cậy đòi hỏi, chọn độ tin cậy 95% thì $Z_{2(1-\alpha/2)}=1,96$, hệ số thiết kế (HSTK) là 1,5. Cỡ mẫu theo công thức là 575 người, làm tròn 580 người.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp chọn mẫu:

- Huyện Tân Phú Đông có 6 xã, mỗi xã đều có 01 trường THCS.
- Tiến hành phân bố mẫu cho mỗi trường là 100 học sinh, trong đó chia đều cho các khối lớp 6,7,8,9 mỗi khối lớp 25 em.
- Lập danh sách học sinh mỗi khối lớp, chọn ngẫu nhiên hệ thống bằng cách chọn một điểm xuất phát trên danh sách rồi khoanh tròn vào số thứ tự trên danh sách lớp theo hệ số $k = 5$ để chọn ra 25 em mỗi khối lớp/trường rồi phát vấn bằng bộ câu hỏi soạn sẵn, thực tế mẫu thu được 580 học sinh.

Phân tích số liệu:

- Số liệu được nhập bằng phần mềm Epidata và phân tích bằng phần mềm Stata 12,
- Xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về sử dụng TẮĐP bằng kiểm định chi bình phương (kiểm định Fisher nếu vọng trị < 5).
- Mức độ kết hợp được đo lường bằng chỉ số PR với ước lượng khoảng tin cậy (KTC) 95%.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1: Phân bố đối tượng theo các đặc điểm cá nhân

Tiêu chí		Tần số	Tỉ lệ
Giới tính	Nam	223	38,45
	Nữ	357	61,55
Khối lớp	Khối 6	146	25,17
	Khối 7	150	25,86
	Khối 8	150	25,86
	Khối 9	134	23,10
Khoảng tiền có hàng tuần	Dưới 50,000 ^đ	175	30,17
	Từ 50,000 ^đ trở lên	405	69,83
Thói quen nơi ăn sáng	Tại nhà	56	9,66
	Đến trường	524	90,34

- N=580 em, nữ tỉ lệ 61,55%;
- Mẫu phân phối tương đối đồng đều ở các khối lớp, từ 134 đến 150 học sinh/khối.
- Về tiền sinh hoạt hàng tuần, đa số các em được cha mẹ phát cho trên 50.000 đồng/tuần với tỉ lệ 69,83%.
- Hầu hết các em đều có thói quen đến trường ăn sáng với 90,34%.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 2. Tiếp cận thông tin về an toàn thực phẩm

Tiêu chí		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Tiếp cận thông tin ATTP	Có	461	79,48
	Không	119	20,52
Các kênh tiếp nhận (N=461)			
Kênh trực tiếp	Giáo viên	41	8,89
	Nhân viên y tế	70	15,18
	Bạn bè, người thân	71	15,40
	Tổng	182	39,48
Kênh gián tiếp	Tivi	111	24,08
	Internet	121	26,25
	Báo, tạp chí	12	2,60
	Hệ thống loa đài xã	35	7,59
	Tổng	279	60,52

Kết quả của chúng tôi thấp hơn nghiên cứu của Dương Đặng Hồng Hậu [6] trên đối tượng học sinh THPT là 85,1%, và cũng thấp hơn nghiên cứu của Lai Tín Nghĩa [9], tác giả này công bố trên đối tượng sinh viên là 89,1%.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 3: Kiến thức đúng về TĂĐP

Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ
Ô nhiễm TĂĐP	165	28,45
Điều kiện vệ sinh cơ sở bán TĂĐP	127	21,90
Điều kiện chế biến, Thiết bị, dụng cụ	175	30,17
Điều kiện con người trực tiếp chế biến TĂĐP	133	22,93
Kiến thức đúng về TĂĐP (4 nội dung trên)	121	20,86

Dương Đăng Hồng Hậu [6] thì: tỉ lệ có kiến thức đúng về chọn nơi bán TĂĐP là 81,6%; kiến thức về quy trình chế biến là 75,20%; về người bán TĂĐP là 77,8%.

Kiến thức chúng về TĂĐP là 20,86%: thấp hơn Dương Đăng Hồng Hậu [6], 76,1% hay của Dehghan P [5] Iran là 50%, Đinh Phương Thanh [7] tại Củ Chi cho kết quả là 28,9% có kiến thức đúng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 4: Thực hành đúng về sử dụng TẮĐP

Tiêu chí	Tần số	Tỉ lệ
Chọn cơ sở bán TẮĐP an toàn	187	32,24
Chọn người bán TẮĐP an toàn	217	37,41
Chọn TẮĐP an toàn	206	35,52
Thực hành chung đúng (3 nội dung trên)	124	21,38

- Lý Thành Minh [10], chỉ 47,9% người mua TẮĐP tỉnh Bến Tre chọn cơ sở bán sạch sẽ
- Dương Đăng Hồng Hậu [6] thì có đến 69,7% học sinh có thực hành đúng về nơi bán TẮĐP.
- Kết quả Thực hành chung đúng của đối tượng nghiên cứu này là 21,38%. Kết quả này cao hơn của Đinh Phương Thanh [7] là 8% nhưng thấp hơn Dương Đăng Hồng Hậu [6] 51,0%.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về sử dụng TẮĐP

Tiêu chí nhóm		Kiến thức Đúng		Kiến thức chưa đúng		PR, KTC 95%	P _{Value}
		(n)	(%)	(n)	(%)		
Giới	Nam	44	19,73	179	80,27	0,93	0,59
	Nữ	77	21,57	280	78,43	0,72-1,21	
Tuổi	11-12 tuổi	24	8,11	272	91,89	0,33	<0,00001
	13-14 tuổi	97	34,15	187	65,85	0,23-0,48	
Số tiền hàng tuần	Dưới 50,000 ^d	67	38,29	108	61,71	2,35	<0,00001
	Từ 50,000 ^d trở lên	54	13,33	351	86,67	1,87-2,96	
Tiếp cận thông tin ATTP	Có	103	33,88	201	66,12	1,94	<0,00001
	Không	18	6,52	258	93,48	1,71-2,20	
Kênh truyền thông (N=461)	Trực tiếp	64	35,16	118	42,75	1,52	0,0004
	Gián tiếp	57	20,43	222	80,43	1,21-1,90	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Các yếu tố liên quan đến kiến thức đúng về sử dụng TADP (tt)

Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, giới tính với kiến thức đúng về TẮĐP.

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số tiền các em được cho hàng tuần với kiến thức đúng về TẮĐP, những em được cho dưới 50.000đ lại có kiến thức đúng gấp 2,35 lần nhóm còn lại ($PR=2,35$; $CI=1,87-2,96$; $P_{value}<0,00001$);

Có mối liên quan giữa việc tiếp cận thông tin ATTP với kiến thức đúng về TẮĐP, những học sinh đã từng nghe thấy về ATTP sẽ có kiến thức đúng gấp 1,94 lần các em chưa từng nghe về ATTP ($PR=1,94$; $CI=1,71-2,20$; $P_{value}<0,00001$). Đặc biệt những bạn được tiếp cận qua kênh trực tiếp sẽ có kiến thức đúng gấp 1,52 lần so với nhóm gián tiếp ($PR=1,52$; $CI=1,21-1,90$; $P_{value}=0,0004$).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 6. Các yếu tố liên quan đến thực hành đúng về sử dụng TẮĐP

Tiêu chí nhóm		Thực hành Đúng		Thực hành chưa đúng		PR, KTC 95%	P _{Value}
		(n)	(%)	(n)	(%)		
Giới	Nam	52	23,32	171	76,68	1,12	0,37
	Nữ	72	20,17	285	79,83	0,88-1,41	
Tuổi	10-11 tuổi	26	8,78	270	91,22	0,35	<0,00001
	12-14 tuổi	98	34,51	186	65,49	0,25-0,50	
Số tiền hàng tuần	Dưới 50.000	48	27,43	127	72,57	1,39	0,0195
	Từ 50.000 trở lên	76	18,77	329	81,23	1,06-1,81	
Tiếp cận thông tin ATTP	Có	115	24,95	346	75,05	1,22	<0,00001
	Không	9	7,56	110	92,44	1,13-1,31	
Kênh truyền thông	Trực tiếp	98	53,85	84	46,15	3,17	<0,00001
	Gián tiếp	26	9,32	253	90,68	2,58-3,89	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Các yếu tố liên quan đến thực hành đúng về sử dụng TẮĐP (tt)

- Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, giới tính với thực hành đúng về thức ăn đường phố.
- Kết quả cho biết có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số tiền các em được cho hàng tuần với thực hành đúng về thức ăn đường phố, những em được cho dưới 50.000đ lại có kiến thức đúng gấp 1,39 lần nhóm còn lại ($PR=1,39$; $CI=1,06-1,81$; $P_{value}<0,0195$);
- Song song là mối liên quan giữa việc tiếp cận thông tin ATTP với thực hành đúng về TẮĐP, những học sinh đã từng nghe thấy về ATTP sẽ có thực hành đúng gấp 1,22 lần các em chưa từng nghe về ATTP ($PR=1,22$; $CI=1,13-1,31$; $P_{value}<0,00001$). Trong đó, những bạn được tiếp cận qua kênh trực tiếp sẽ có thực hành đúng gấp 3,17 lần so với nhóm gián tiếp ($PR=3,17$; $CI=2,58-3,89$; $P_{value}<0,00001$).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Bảng 6. Mối liên quan giữa kiến thức và thực hành đúng về sử dụng TẮĐP

Tiêu chí nhóm		Thực hành đúng		Thực hành chưa đúng		PR, KTC 95%	P _{Value}
		(n)	(%)	(n)	(%)		
Kiến thức chung	Đúng	71	58,68	50	41,32	5,22 3,86-7,07	<0,00001
	Chưa đúng	53	11,55	406	88,45		

Những em học sinh có kiến thức đúng sẽ có thực hành đúng gấp 5,22 lần các em chưa có kiến thức đúng (PR=5,22; CI=3,86-7,07; P<0,00001).

KẾT LUẬN

Kết quả điều tra, đánh giá trên 580 em học sinh THCS tại huyện Tân Phú Đông,

- Tỷ lệ học sinh đã từng tiếp cận các thông tin về an toàn thực phẩm là 79,4%.
Kết quả có 20,86% các em có kiến thức đúng về TĂĐP, thực hành chung đúng về TĂĐP đạt 21,38%.
- Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi, giới tính với kiến thức đúng và thực hành đúng về thức ăn đường phố.
- Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa số tiền các em được cho hàng tuần, giữa việc tiếp cận thông tin ATTP, giữa tiếp cận qua kênh trực tiếp với kiến thức và thực hành về sử dụng TĂĐP. Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa kiến thức đúng và thực hành đúng về sử dụng TĂĐP ($p < 0.05$).

KHUYẾN NGHỊ

1. Nâng cao nhận thức của học sinh về phòng chống về phòng chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là sử dụng TẮĐP không an toàn, trong đó chú trọng sử dụng kênh truyền thông trực tiếp.
2. Phụ huynh cần quan tâm nhiều đến việc ăn uống của học sinh khi đến trường, tăng cường các biện pháp tuyên truyền giáo dục nhằm thay đổi hành vi sử dụng tùy tiện TẮĐP mà không xem xét, chọn lựa cẩn thận.
3. Nhà trường cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục học sinh trong việc lựa chọn và sử dụng TẮĐP, trong đó tăng cường các hoạt động ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề làm rõ tác hại, ảnh hưởng của TẮĐP không an toàn.
4. Ngành Y tế và các ngành liên qua tại địa phương cần kiểm soát chặt chẽ các loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm đặc biệt là TẮĐP nhằm hạn chế thấp nhất sản phẩm thực phẩm kém chất lượng lưu hành trên thị trường.

KÍNH CHÚC SỨC KHỎE QUÝ ĐẠI BIỂU



THANK YOU!